

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và nộp tiền hoàn trả kinh phí thăm dò đối với mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi Bà Đầm, xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;*

*Căn cứ Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư; Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;*

*Căn cứ Thông tư số 44/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính quy định về khung giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau; Thông tư số 38/2017/TT-BTNMT ngày 16/10/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định phương pháp quy đổi từ giá tính thuế tài nguyên để xác định giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;*

*Căn cứ Quyết định số 10/2018/QĐ-UBND ngày 22/3/2018 của UBND tỉnh ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;*

*Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản và thuê đất số 11/GP-UBND ngày 21/01/2014 của UBND tỉnh Thanh Hóa;*

*Căn cứ Quyết định số 1365/QĐ-UBND ngày 09/5/2014, Quyết định số 934/QĐ-UBND ngày 30/3/2017, Quyết định số 2595/QĐ-UBND ngày 10/7/2018, Quyết định số 598/QĐ-UBND ngày 13/02/2019, Quyết định số 3030/QĐ-UBND ngày 29/7/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp đối với các đơn vị khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;*

*Căn cứ Quyết định số 2065/QĐ-UBND ngày 15/6/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi Bà Đầm, xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa” (trữ lượng tính đến ngày 20/02/2017); Quyết định số 817/QĐ-UBND ngày 06/3/2018 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc điều chỉnh một số nội dung trong Quyết định phê duyệt trữ lượng khoáng sản số 2065/QĐ-UBND ngày 15/6/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh;*

*Căn cứ Quyết định số 574/QĐ-UBND ngày 17/02/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Mở rộng khai thác mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lặc của Công ty TNHH Thanh Nghệ;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 599/TTr-STNMT ngày 22 tháng 6 năm 2020 về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và nộp tiền hoàn trả kinh phí thăm dò đối với mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi Bà Đầm, xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt giá trị tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và nộp tiền hoàn trả kinh phí thăm dò đối với mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi Bà Đầm, xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa, gồm những nội dung chính như sau:

**1. Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản:**

Tổ chức, cá nhân nộp tiền: Công ty TNHH Thanh Nghệ; địa chỉ: Khu CN làng nghề, xã Đông Lĩnh, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

1.1. Đối với khu vực mỏ cũ tại Giấy phép khai thác khoáng sản và thuê đất số 11/GP-UBND ngày 21/01/2014 của UBND tỉnh:

1.1.1. Số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản năm 2018 Đơn vị phải nộp bổ sung (theo hướng dẫn công tác tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 3888/BTNMT-ĐCKS ngày 31/7/2017) là:

$$T_{(2018-mỏ cũ)(bổ sung)}=145.820.494 \text{ đồng} - 94.312.999 \text{ đồng}= 51.507.495 \text{ đồng.}$$

(Số tiền phải nộp năm 2018 bằng số tiền phải nộp năm 2017 (145.820.494 đồng) được phê duyệt tại Quyết định số 3030/QĐ-UBND ngày 29/7/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh).

1.1.2. Số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản năm 2019 Đơn vị phải nộp bổ sung (theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 3888/BTNMT-ĐCKS ngày 31/7/2017) là:

$$T_{(2019-mỏ cũ)(bổ sung)}=145.820.494 \text{ đồng} - 94.312.999 \text{ đồng}= 51.507.495 \text{ đồng.}$$

(Số tiền phải nộp năm 2019 bằng số tiền phải nộp năm 2017 phê duyệt tại Quyết định số 3030/QĐ-UBND ngày 29/7/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh).

1.1.3. Số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản năm 2020 Đơn vị phải nộp là (bằng số tiền phải nộp năm 2017):

$$T_{(2020-mỏ cũ)}=145.820.494 \text{ đồng;}$$

1.2. Đối với khu vực mỏ mở rộng:

a) Giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản:

-  $G_1 = G_{tn} \times K_{qđ} = 70.000 \text{ đồng/m}^3 \times 1,475 = 103.250 \text{ đồng/m}^3$  đối với đá vôi làm VLXD thông thường;

-  $G_2 = G_{tn} \times K_{qđ} = 2.100.000 \text{ đồng/m}^3 \times 1,0 = 2.100.000 \text{ đồng/m}^3$  đối với đá khối để xẻ;

b) Trữ lượng tính: Phê duyệt tại Quyết định số 2065/QĐ-UBND ngày 15/6/2017 và Quyết định số 817/QĐ-UBND ngày 06/3/2018:

$Q = Q_1 + Q_2 = 964.045 \text{ m}^3$ , trong đó:

-  $Q_1$  là trữ lượng đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường:  $896.561 \text{ m}^3$ ;

-  $Q_2$  là trữ lượng đá khối để xẻ:  $67.484 \text{ m}^3$ ;

c) Hệ số thu hồi khoáng sản phương pháp khai thác lộ thiên:  $K_1 = 0,9$ ;

d) Hệ số điều kiện kinh tế xã hội:  $K_2 = 0,9$ ;

đ) Mức thu tiền cấp quyền khai thác:

-  $R_1 = 3\%$  [đối với các loại vật liệu xây dựng thông thường còn lại (trừ nguyên liệu sản xuất cát nghiền)];

-  $R_2 = 1\%$  (đối với đá khối làm ốp lát các loại);

e) Tổng số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đơn vị phải nộp là:

$T = T_1 - T_2$ ; trong đó:

$T_1 = (Q_1 \times G_1 \times K_1 \times K_2 \times R_1) + (Q_2 \times G_2 \times K_1 \times K_2 \times R_2) = (896.561 \text{ m}^3 \times 103.250 \text{ đồng/m}^3 \times 0,9 \times 0,9 \times 3\%) + (67.484 \text{ m}^3 \times 2.100.000 \text{ đồng/m}^3 \times 0,9 \times 1,0 \times 0,9 \%) = 3.397.351.975 \text{ đồng}$ ;

$T_2 = 452.980.264 \text{ đồng}$ -là số tiền đơn vị đã nộp (khi thực hiện Quyết định số 2595/QĐ-UBND ngày 10/7/2018; Quyết định số 598/QĐ-UBND ngày 13/02/2019)

Như vậy, tổng số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đơn vị còn phải nộp là:  $3.397.351.975 \text{ đồng} - 452.980.264 \text{ đồng} = 2.944.371.711 \text{ đồng}$ .

f) Số năm khai thác (làm tròn) là:  $X = 30 \text{ năm}$ ;

g) Số lần nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản là: 15 lần;

h) Số tiền nộp lần đầu:  $T_{ld} = T : (X:2) \times 30\%$ .

$T_{ld(2020)} = 2.944.371.711 \text{ đồng} : (30:2) \times 30\% = 58.887.434 \text{ đồng}$ ;

i) Số tiền nộp từ lần thứ 02 đến lần thứ 15:

$T_{hn} = (T - T_{ld}) : [(X:2) - 1]$

$T_{hn} = (2.944.371.711 \text{ đồng} - 58.887.434 \text{ đồng}) : [(30:2) - 1] = 206.106.020 \text{ đồng}$ ;

1.3. Tổng số tiền Đơn vị phải nộp năm 2020:

$T_{(2018-mô cũ)(bổ sung)} + T_{(2019-mô cũ)(bổ sung)} + T_{(2020-mô cũ)} + T_{ld(2020)} = 51.507.495 \text{ đồng} + 51.507.495 \text{ đồng} + 145.820.494 \text{ đồng} + 58.887.434 \text{ đồng} = 307.722.918 \text{ đồng}$  (Ba trăm lẻ bảy triệu, bảy trăm hai hai nghìn, chín trăm mười tám đồng).

1.4. Thời điểm nộp tiền: Theo thông báo của Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa.

2. Hoàn trả kinh phí thăm dò: Khu vực mở rộng mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi Bà Đầm, xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lặc do Công ty TNHH Thanh Nghệ tự bỏ kinh phí thăm dò trữ lượng. Do đó, đơn vị không phải hoàn trả kinh phí thăm dò.

**Điều 2.** Căn cứ nội dung Điều 1 Quyết định này và các quy định hiện hành của Nhà nước, các đơn vị có trách nhiệm:

1. Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa thông báo đến Công ty TNHH Thanh Nghệ về số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp ngân sách Nhà nước theo quy định.

2. Công ty TNHH Thanh Nghệ có trách nhiệm:

- Nộp số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản vào ngân sách Nhà nước theo quy định;

- Phối hợp với chính quyền địa phương trong việc quản lý tải trọng xe, có trách nhiệm sửa chữa các đường giao thông hư hỏng do quá trình khai thác, vận chuyển khoáng sản gây ra;

3. UBND huyện Ngọc Lặc, UBND xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lặc có trách nhiệm quản lý tải trọng của các phương tiện vận chuyển khoáng sản theo thẩm quyền.

4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường căn cứ các quy định của pháp luật hiện hành, tham mưu điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (nếu có) đối với Công ty TNHH Thanh Nghệ.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2595/QĐ-UBND ngày 10/7/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND huyện Ngọc Lặc; Chủ tịch UBND xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lặc; Giám đốc Công ty TNHH Thanh Nghệ; Thủ trưởng các ngành và đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 Quyết định;
  - Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
  - PCT Mai Xuân Liêm;
  - Lưu: VT, CN, KTTC (HYT).
- QDKP 20-141

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Mai Xuân Liêm**